TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2025/DS-PT
Ngày: 10 - 6 - 2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Bùi Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 tháng 5 và ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, do Bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2025/QĐPT-DS ngày 14/02/2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Lê Thụy T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thụy T là ông Lê Trọng H, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố C, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

**** Bị đơn:*** Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm: 1969 và ông Trương S, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Trương S và Trần Thị Thùy L là: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

* Người kháng cáo: bị đơn bà Trần Thị Thúy L1 và ông Trương S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong bản tự khai của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày tại phiên tòa:

Do chỗ quen biết và cũng là hàng xóm nên từ năm 2021 đến năm 2023 bà Lê Thụy T có cho vợ chồng bà L1 và ông S vay tiền nhiều lần, nhiều khoản vay khác nhau, mục đích vay để bà L1, ông S làm ăn. Đến ngày 24/10/2023, giữa bà T với vợ chồng bà L1 và ông S đã chốt nợ vay với nhau, số nợ còn lại bà L1 và ông S còn nợ lại bà T là 2.715.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm mười lăm triệu đồng). Bà L1 và ông S hẹn 03 ngày sau sẽ thanh toán số nợ trên cho bà T. Tuy nhiên, đến hạn bà T đã nhiều lần liên lạc bà L1 và ông S trả nhưng không trả mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do vậy bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết buộc bà Trần Thị Thùy L và ông Trương S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 2.715.000.000đ. Bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2023 của bị đơn bà Trần Thị Thùy L trình bày:

Do chỗ quên biết nên từ năm 2021 đến ngày 09/10/2023 giữa bà L và bà T có giao dịch chuyển khoản tiền đáo hạn ngân hàng và làm ăn trong khoảng thời gian trên, bà L đã chuyển cho bà T nhiều lần qua các số tài khoản do bà T là chủ tài khoản cụ thể;

Chuyển vào tài khoản ngân hàng A: 5605205144326 số tiền là 5.584.386.000đ.

Chuyển vào tài khoản ngân hàng B: 65510000755598 số tiền là 878.600.000đ.

Chuyển vào tài khoản ngân hàng A1: 144846339 số tiền là 4.060.313.000đ.

Tổng số tiền bà L đã chuyển cho bà T cả gốc và lãi là 10.523.299,000đ (Mười tỷ năm trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước giải quyết buộc vợ chồng bà L và ông S trả số tiền nợ gốc còn lại là 2.715.000.000đ thì bà L không đồng ý và yêu cầu Tòa án làm rõ cân đối giữa số tiền bà T chuyển cho bà L và bà L chuyển trả gốc và lãi lại cho bà T. Nếu số tiền bà L chuyển dư thì Tòa án xem xét yêu cầu bà T hoàn trả lại cho bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thụy T đối với bị đơn bà Trần Thị Thùy L và ông Trương S về việc yêu cầu trả số tiền vay.

2. Buộc bà Trần Thị Thùy L và ông Trương S có nghĩa vụ trả liên đới cho bà Lê Thụy T số tiền là 2.715.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm mười lăm triệu đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2024 bị đơn bà Trần Thị Thùy L và ông Trương S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước theo hướng huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 05/11/2024 của TAND thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 272, 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thùy L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 24/01/2024 bị đơn có đơn phản tố (BL 188) với nội dung: "*nếu số tiền tôi đã chuyển trả cho bà T cả gốc và lãi ...mà dư thì yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà T phải trả lại cho tôi"*. Trong đơn phản tố và các lời trình bày thì bà L đều không xác định được mình đã vay của nguyên đơn bao nhiêu khoản, thời điểm, thời hạn, mức lãi suất, đã trả tiền gốc bao nhiêu, tiền lãi bao nhiêu. Do đó, đơn phản tố của bị đơn có nội dung chưa cụ thể, rõ ràng. Nhưng tòa cấp sơ thẩm không yêu cầu bị đơn sửa chữa, bổ sung đơn phản tố theo Điều 193 BLTTDS là có thiếu sót. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện uỷ quyền của bị đơn xác nhận Tòa án không chấp nhận và cũng đồng ý không phản tố nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà cấp sơ thẩm đã 3 lần công khai chứng cứ trong 3 tháng liền (từ tháng 6 đến tháng 8), trong đó lần công khai chứng cứ ngày 01/8/2024 đại diện bị đơn có đơn xin hoãn phiên công khai chứng cứ vì lý do khách quan nhưng tòa sơ thẩm không thực hiện là không đúng, ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn. Tuy nhiên, sau khi công khai chứng cứ, Thẩm phán đã gửi thông báo kết quả công khai chứng cứ cho bị đơn nên vẫn đảm bảo quyền tranh tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có Đơn khiếu nại đối với Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 79/TB-TA ngày 07/8/2024 của Thẩm phán – Chánh án TAND cấp sơ thẩm (BL 344). Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không chuyển đơn đến Chánh án TAND tỉnh để xem xét giải quyết mà vẫn tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là không đúng quy định.

Nhận thấy, quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót vi phạm tố tụng nhưng không nghiêm trọng, ảnh hưởng không lớn đến quyền lợi của đương sự nên chỉ cần nêu ra để Toà án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Về nội dung:

Nguyên đơn cho rằng đến ngày 24/10/2023 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 2.715.000.000đ đến nay chưa trả nên làm đơn khởi kiện. Kèm đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp các tin nhắn qua Zalo thể hiện việc bị đơn xác nhận nợ sau khi nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn (BL01-64). Các tin nhắn Zalo (BL01-64) thể hiện bị đơn đã xác nhận tổng cộng 45 khoản vay dưới hình thức chuyển khoản từ năm 2021 đến 2023 với tổng số tiền gốc 9.680.000.000đ, chưa kể việc vay tiền mặt mà bị đơn thừa nhận. Nếu tính cả lãi theo quy định thì đến thời điểm chốt nợ thì số nợ bị đơn cũng có thể nợ nguyên đơn với số tiền trên.

Đồng thời, nguyên đơn còn cung cấp các bản sao kê tài khoản ngân hàng của nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn và đặc biệt là file ghi âm nội dung

cuộc trò chuyện giữa bà T và bà L ngày 24/10/2023 (BL292) thể hiện bà T và bà L chốt nợ đến ngày 24/10/2023 là 2.715.000.000đ. Tại tin nhắn Z và tại file ghi âm bà L thừa nhận số tiền bà T chốt là đúng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ngày 24/10/2023 bà L còn nợ lại bà T số tiền 2.715.000.000đ.

Quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn cho rằng đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn hơn 10.523.199.000đ nhưng cũng không xác định được vay tiền gốc bao nhiêu lần với tổng số tiền bao nhiêu, chỉ cung cấp các bảng sao kê tài khoản ngân hàng và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cân đối để xác định nếu trả thừa thì yêu cầu bị đơn trả lại phần thừa. Qua xem xét, các bảng sao kê do bị đơn cung cấp thì không thể hiện rõ việc chuyển khoản cho ai, nội dung chuyển khoản là gì, chính bị đơn còn không biết để chứng minh mà yêu cầu Tòa án xác định là thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi. Mặt khác, qua xem xét các bản sao kê do bà L cung cấp thời gian từ ngày 24/10/2023 trở về sau thì không có bất kỳ giao dịch nào giữa bà L và bà T, điều này khẳng định rằng từ sau khi bà T chốt nợ với bà L số tiền trên thì bà L chưa hề thanh toán khoản tiền cho bà T. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 08/5/2025 Toà án đã tiến hành làm việc với bị đơn bà L cũng thừa nhận không biết mình vay bao nhiêu khoản, tổng số tiền đã vay, thừa nhận đã tiếp cận và nghe đoạn ghi âm nhưng không phản đối, không yêu cầu giám định. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.715.000.000đ là căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nhưng không nghiêm trọng, ảnh hưởng không lớn đến quyền lợi của đương sự cũng như nội dung của vụ án. Do đó kháng cáo của bị đơn bà L, ông S yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm cũng được giữ nguyên.

- Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bà L, ông S không được chấp nhận nên bà L, ông S phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L, ông sáng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thùy L, ông Trương S, giữ nguyên Bản án số 27/2024/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thụy T đối với bị đơn bà Trần Thị Thùy L và ông Trương S về việc yêu cầu trả số tiền vay.

2. Buộc bà Trần Thị Thùy L và ông Trương S có nghĩa vụ trả liên đới cho bà Lê Thụy T số tiền là 2.715.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm mười lăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Buộc bà Trần Thị Thùy L và ông Trương S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 86.300.000đ (T2 mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng)

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thụy T số tiền tạm ứng án phí là 21.575.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008736 ngày 14 tháng 12 năm 2024.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L, ông S phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L, ông S đã nộp tạm ứng trước đó theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003310 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Các quyết định khác của bảnán sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- TAND thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Ninh